

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

HOÀN THIỆN QUY TRÌNH GIAO NHẬN HÀNG HÓA
NHẬP KHẨU NGUYÊN CONTAINER (FCL)
BÊN NGƯỜI NGẠI BIÊN TẠI CÔNG TY
TNHH LOGISTICS CHIM BÀ CẦU

NGUYỄN THỊ QUỲNH NHÌ

Niên khóa: 2017 – 2021

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
HOÀN THIỆN QUY TRÌNH GIAO NHẬN HÀNG HÓA
NHẬP KHẨU NGUYÊN CONTAINER (FCL)
CÔNG TY TNHH LOGISTICS CHIM BÀ CẬU

Sinh viên thực hiện:

Nguyễn Thị Quỳnh Như

Lớp: K51A KDTM

MSV:17K4041170

Giảng viên hướng dẫn:

TS. Lê Thị Phương Thảo

Niên khóa: 2017 – 2021

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng số liệu và các kết quả nghiên cứu trong đề tài nghiên cứu khóa luận tốt nghiệp này là trung thực và chưa hề được sử dụng để báo cáo bất kỳ công việc nào.

Tôi cũng xin cam đoan rằng mọi sự giúp đỡ cho việc thực hiện đề tài nghiên cứu khóa luận tốt nghiệp này đã được cảm ơn và các thông tin trích dẫn trong đề tài đã được chỉ rõ nguồn gốc.

Sinh viên

Nguyễn Thị Quỳnh Như

Lời Cảm Ơn!

Đầu tiên cho phép em được gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến quý thầy cô giáo giảng dạy tại Trường THPT Đức Hòa Kinh Tế Huân đã dạy dỗ và truyền đạt kinh nghiệm cho em trong 3 năm học và rèn luyện tại trường, đặc biệt là Khoa Quản Trị Kinh Doanh đã mang đến cho em nhiều kiến thức có tính đến hoàn thành tốt nhiệm vụ trong quá trình thực tập cũng như những kiến thức đó sẽ là hành trang theo em giúp em vượt qua những thử thách và khó khăn trong công việc và cuộc sống công việc sau này.

Em xin bày tỏ lòng biết ơn đến giảng viên hướng dẫn thực tập là TS. Lê Thị Phụng và Tháo đã luôn nhiệt tình hỗ trợ em rất nhiều trong thời gian qua, giải đáp những thắc mắc, giúp đỡ em trong những lúc khó khăn nhất, hướng dẫn em hoàn thành bài báo cáo đồ án tốt nghiệp.

Và hơn hết, xin trân trọng cảm ơn đến với thực tập, anh Tôn Thất Dung - Giám đốc điều hành, anh Lê Thanh Quang - Giám đốc kinh doanh, chị Nguyễn Thị Thu Thảo - Nhân viên chuyên viên của phòng kinh doanh đã tạo điều kiện cho em được thực tập và trải nghiệm tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Logistics Chim Bông Câu. Cảm ơn các anh chị đã hỗ trợ em rất nhiều trong quá trình thực tập, chia sẻ cho em rất nhiều trong thời gian qua để em hoàn thành tốt nhiệm vụ, học hỏi nhiều kiến thức thực tế và hoàn thành tốt bài báo cáo. Nhờ có anh chị, em biết thêm về các kiến thức thực tế, quy trình làm việc, cung cấp các dịch vụ của công ty, được trải nghiệm và hiểu thêm về môi trường làm việc chuyên nghiệp.

Trong quá trình thực tập, cũng như trong quá trình làm bài báo cáo, khó tránh khỏi sai sót rất mong thầy cô thông cảm và bỏ qua. Đồng thời do trình độ lý luận và kinh nghiệm thực tế em còn hạn chế nên bài báo cáo có thể có thiếu sót trong bài. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của thầy cô để bài của em được hoàn chỉnh hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

MỤC LỤC

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ	2
1. Lý do chọn đề tài.....	2
2. Mục tiêu nghiên cứu.....	3
2.1. Mục tiêu chung.....	3
2.2. Mục tiêu cụ thể	3
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
3.1. Đối tượng nghiên cứu	3
3.2. Phạm vi nghiên cứu.....	3
4. Phương pháp nghiên cứu	4
4.1. Phương pháp thu thập dữ liệu	4
4.2. Phương pháp phân tích và xử lý số liệu.....	4
5. Kết cấu đề tài	5
PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU	6
CHƯƠNG I: CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA VIỆN ĐỀ NGHIÊN CỨU QUY TRÌNH GIAO NHẬN HÀNG HOÁ NHẬP KHẨU NGUYÊN CONTAINER (FCL) BẰNG ĐƠN NG BỊN.....	6
1.1 Cơ sở lý luận	6
1.1.1. Khái quát về nhập khẩu hàng hóa.....	6
1.1.2. Vấn đề nhập Container đơn ng bịn.....	7
1.1.3. Sơ đồ c v giao nhận	8
1.1.4. Đặc điểm của giao nhận.....	8
1.1.5. Các bên có liên quan trong nhập v giao nhận.....	9
1.1.6. Các chức năng số dng trong giao hàng nhập khẩu nguyên container (FCL) bằng đơn ng bịn.....	10
1.1.7. Nguồn luật điu chỉnh.....	11
1.1.8. Các nhân tố nh hng đn quy trình giao nhận hàng hóa nhập khẩu bằng đơn ng bịn theo phng thc FCL	12
1.2 Nội dung của quy trình giao hàng nhập khẩu nguyên container (FCL) bằng đơn ng bịn.....	18
1.2.1. Tha thu n dch v giao nhận v i khách hàng	18
1.2.2. Nhận, kiểm tra b chng t nhp khẩu t khách hàng	18
1.2.3. Nhận thông báo hàng đn, lý nh giao hàng, kiểm tra D/O, c c container, giá h n container	21

1.2.4. Làm thủ tục hải quan đi/n về	22
1.2.6. Nhận hàng tại cảng và giao hàng cho khách.....	29
1.2.7. Lập chứng từ kế toán và lưu hồ sơ	32
1.3 Tổng quan chung về tình hình giao nhận hàng hóa nhập khẩu ở Việt Nam...	33
1.3.1. Thông tin thị trường, số liệu, các vấn đề phát sinh liên quan	33
1.3.3. Khái quát các nghiên cứu liên quan	36
KẾT LUẬN CHUNG I	38
CHƯƠNG II: PHÂN TÍCH QUY TRÌNH GIAO NHẬN HÀNG HOÁ NHẬP KHẨU NGUYÊN CONTAINER (FCL) BÊN NGƯỜI NGUYỄN TÀI CÔNG TY TNHH LOGISTICS CHIM BÈ CÂU.....	39
2.1. Tổng quan về Công ty TNHH Logistics Chim Bè Câu	39
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty	39
2.1.2. Thông tin chung	40
2.1.3. Cơ cấu tổ chức của công ty	41
2.1.4. Chức năng hoạt động của Công ty	43
2.1.5. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty	45
2.2. Quy trình giao nhận hàng hoá nhập khẩu nguyên container (FCL) bên người Nguyễn Tài Công ty TNHH Logistics Chim Bè Câu	49
2.2.1. Sơ đồ quy trình giao nhận hàng hoá nhập khẩu nguyên container (FCL) bên người Nguyễn Tài Công ty TNHH Logistics Chim Bè Câu	49
2.2.2. Diễn giải các bước trong quy trình thủ tục tại Công ty.....	50
2.2.2.1. Tiếp nhận và xử lý yêu cầu hàng nhập từ khách hàng (B1).....	50
2.2.2.2. Thông lượng và chào giá dịch vụ (B2)	50
2.2.2.3. Lập hợp đồng vận chuyển (B3).....	50
2.2.2.4. Gửi Shipping Instruction cho đại lý (B4).....	51
2.2.2.5. Nhận báo chứng từ (B5)	51
2.2.2.6. Kiểm tra báo chứng từ (B6)	52
2.2.2.7. Xử lý và lưu trữ hồ sơ (B7).....	54
2.2.2.8. Lên và truy cập khai hải quan (B8)	54
2.2.2.9. Lấy lệnh hàng tàu (B9).....	64
2.2.2.10. Làm thủ tục thông quan (B10)	65
2.2.2.11. Làm thủ tục lấy hàng (B11)	67
2.2.2.12. Giao lệnh cho xe (B12)	70
2.2.2.13. Lưu trữ và hoàn thành (B13).....	71

2.2.2.14. Lập Debit note và gửi khách hàng (B14).....	72
2.3. Đánh giá quy trình giao nhận hàng hóa nhập khẩu (FCL) bằng đường biển tại công ty.....	73
KẾT LUẬN CHƯƠNG II.....	75
CHƯƠNG III: GIẢI PHÁP NHẸM HOÀN THIỆN QUY TRÌNH GIAO NHẬN HÀNG HOÁ NHẬP KHẨU NGUYÊN CONTAINER (FCL) BẰNG ĐƯỜNG BIỂN TẠI CÔNG TY TNHH LOGISTICS CHIM BÈ CẦN GIỜ.....	76
3.1. Định hướng phát triển của Công ty.....	76
3.2. Giải pháp hoàn thiện quy trình giao nhận hàng hóa nhập khẩu của Công ty	77
3.2.1. Giải pháp 1: Nâng cao và phát triển trình độ quản lý, nghiệp vụ chuyên môn và công tác đào tạo của đội ngũ nhân viên.	77
3.2.2. Giải pháp 2: Cải thiện trong khâu chào giá cho khách hàng	78
3.2.3. Giải pháp 3: Hạn chế rủi ro do sai sót của nhân viên.....	79
3.2.4. Giải pháp 4: Tối ưu hóa các chi phí	80
3.2.5. Giải pháp 5: Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng	81
3.2.6. Giải pháp 6: Hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật của công ty.....	82
PHẦN III: KẾT LUẬN – KIẾN NGHỊ	84
1.1. Kiến nghị đối với Công vụ	84
1.2. Kiến nghị đối với Nhà nước.....	84
1.3. Kiến nghị đối với Công ty.....	85
KẾT LUẬN.....	88
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	89

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TNHH		Trách nhiệm huân
XNK		Xuất nhập khẩu
Cont	Container	
B/L	Bill of Lading	Vận đơn vận chuyển hàng
HBL	House Bill of Lading	Vận đơn gom hàng
MBL	Master Bill of Lading	Vận đơn chủ
EIR	Equipment Interchange Receipt	Phiếu ghi lại tình trạng của container
SI	Shipping Instruction	Chỉ thị bốc hàng
HS	Harmonized Commodity Description and Coding System	Mã phân loại hàng hóa xuất nhập khẩu
C/O	Certificate of Origin	Giấy chứng nhận xuất xứ
Booking	Booking confirmation	Lệnh cấp container rỗng
Commercial Invoice		Hóa đơn thương mại
Packing list		Phiếu đóng gói hàng
Debit note		Giấy đòi nợ

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Quy trình làm thủ tục hải quan tại Công	26
Hình 2.1. Logo Công ty TNHH Logistics Chim Bê Cầu	40
Hình 2.2. Sơ đồ tổ chức Công ty TNHH Logistics Chim Bê Cầu	41
Hình 2.4. Hệ thống ECUS5 – VINACC	57
Hình 2.5. Khai hải quan thông tin doanh nghiệp	57
Hình 2.6. Đăng ký mã thuế khai nhập khẩu (IDA)	58
Hình 2.7. Khai báo tab thông tin chung	59
Hình 2.8. Khai báo tab Thông tin chung 2	60
Hình 2.9. Khai báo tab Danh sách hàng	61
Hình 2.10. Khai chính thức thuế khai IDC	63
Hình 2.11. Kết quả trả về từ Hệ hải quan	64

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2. 2 Doanh thu từ hoạt động giao nhận của Công ty	47
--	----

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Lý do chọn đề tài

Với xu hướng toàn cầu hóa hiện nay, đặc biệt là việc mở cửa thị trường của các nước đang phát triển, logistics được các nhà quản trị xem như là một công cụ, một phương tiện liên kết các lĩnh vực khác nhau của chuỗi logistics doanh nghiệp. Logistics tạo ra sự hiệu quả và thời gian và địa điểm cho các hoạt động của doanh nghiệp. Trong chuỗi cung ứng toàn cầu hiện nay, logistics có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo sản phẩm của doanh nghiệp đến tay khách hàng. Logistics trong chuỗi cung ứng xuất nhập khẩu bao gồm nhận hàng, vận chuyển, lưu kho, lưu bãi, làm thủ tục hải quan, các thủ tục giấy tờ khác, tư vấn khách hàng, giao hàng hoặc các dịch vụ khác có liên quan đến hàng hóa theo thỏa thuận với khách hàng nhằm thỏa mãn và đáp ứng nhu cầu khách hàng trong quá trình tạo ra lợi nhuận cho chính doanh nghiệp.

Công ty TNHH Logistics Chim Bê Câu là một trong những công ty đi đầu trong lĩnh vực logistics tại Việt Nam. Công ty đang ngày càng phát triển với mong muốn trở thành doanh nghiệp Logistics của Việt Nam có thế mạnh hiệu uy tín trong phạm vi Việt Nam và Đông Nam Á bằng sự phục vụ chuyên nghiệp, chất lượng tốt với chi phí cạnh tranh.

Đối các doanh nghiệp liên kết tạo thành các chuỗi cung ứng toàn cầu thì nhu cầu giao thông và vận chuyển của các doanh nghiệp giữa các quốc gia là cực kỳ lớn. Chính vì vậy mà các dịch vụ vận chuyển, thủ tục hải quan phát triển mạnh mẽ trên thế giới nói riêng và Việt Nam nói chung. Hiện nay, nhiều doanh nghiệp ở Việt Nam cũng đang tập trung mạnh vào mảng này. Do đó, Công ty TNHH Logistics Chim Bê Câu ngày càng tập trung phát triển dịch vụ thông quan nhập khẩu hàng hóa FCL bằng đường biển của mình bởi vì dịch vụ này đang được khách hàng sử dụng nhiều tại công ty. Đây cũng là lý do em đã chọn nghiên cứu đề tài: ***“Hoàn thiện quy trình giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên Container (FCL) bằng đường biển tại Công ty TNHH Logistics Chim Bê Câu”***.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1. Mục tiêu chung

Trên cơ sở đánh giá thực trạng hoạt động giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên container (FCL) bằng đường biển trong giai đoạn 2019-2020, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên container (FCL) bằng đường biển của Công ty TNHH Logistics Chim Bò Cầu.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Hệ thống lý luận chung về hoạt động giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên container (FCL) bằng đường biển.

- Phân tích thực trạng, đánh giá hoạt động giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên container (FCL) bằng đường biển tại Công ty TNHH Logistics Chim Bò Cầu trong giai đoạn 2019-2020.

- Đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện hoạt động giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên container (FCL) bằng đường biển của Công ty trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Các vấn đề lý luận cũng như thực tiễn về hoạt động giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên container (FCL) bằng đường biển tại Công ty TNHH Logistics Chim Bò Cầu.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi nội dung: Các vấn đề về quy trình và hiệu quả hoạt động giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên container (FCL) bằng đường biển.

- Phạm vi không gian: Nghiên cứu được tiến hành tại Công ty TNHH Logistics Chim Bò Cầu.

- Phạm vi thời gian: Nghiên cứu sẽ liên tục cập nhật của Công ty TNHH Logistics Chim Bò Cầu trong giai đoạn 2018-2020.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

- Thu thập các tài liệu liên quan đến hoạt động giao nhận hàng hóa, hiệu quả hoạt động giao nhận hàng hóa và thông tin về ngành Logistics Việt Nam.

- Giáo trình môn Xuất nhập khẩu 2, Giáo trình vận tải và bảo hiểm trong thương mại quốc tế.

- Thông tin của Công ty TNHH Logistics Chim Bê Cầu

- Các báo cáo và kết quả kinh doanh, tài chính báo máy, nguồn vốn, tài sản.

- Các dữ liệu liên quan đến hoạt động giao nhận hàng hóa: các báo cáo hàng hóa đến thanh toán quốc tế. Thu thập số liệu của Công ty TNHH Logistics Chim Bê Cầu trong giai đoạn 2018-2020.

- Tham khảo các nguồn tài liệu, sách, báo, internet, phỏng vấn trực tiếp và phỏng vấn qua điện thoại, số điện thoại để chụp hình và ghi âm.

- Các khóa luận tốt nghiệp, các tài liệu trên Internet liên quan đến ngành Logistics ở Việt Nam.

- Trang website: www.pigeonlog.vn - trang web chính thức của Công ty TNHH Logistics Chim Bê Cầu

4.2. Phương pháp phân tích và xử lý số liệu

- Phương pháp thống kê mô tả

Là phương pháp liên quan đến việc thu thập số liệu tóm tắt trình bày, tính toán và mô tả các đặc trưng khác nhau để phản ánh một cách tổng quát các đối tượng nghiên cứu.

- Phương pháp thu thập thông tin

Nguồn thông tin bên trong là nguồn thông tin trong sổ sách của công ty, báo cáo về tình hình hoạt động kinh doanh, các báo cáo hàng hóa giao nhận xuất nhập khẩu. Để thu thập các nguồn thông tin bên ngoài bao gồm: sách báo, trang mạng

xã hội, trang mạng thông tin trong ngành, cùng với các dữ liệu có sẵn liên quan đến dữ liệu đang nghiên cứu.

- Phương pháp quan sát

Quan sát các hoạt động kinh doanh, quy trình giao nhận xuất nhập khẩu, xử lý thông tin nội bộ.

5. Kết cấu dữ liệu

Ngoài 2 phần Dữ liệu và Kết luận – Kiến nghị, dữ liệu bao gồm:

Chương 1: Cơ sở khoa học của vấn đề nghiên cứu quy trình giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên container (FCL) bằng đường biển.

Chương 2: Phân tích quy trình giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên container (FCL) bằng đường biển tại Công ty TNHH Logistics Chim Bò Cầu.

Chương 3: Giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình giao nhận hàng hóa nhập khẩu nguyên container (FCL) bằng đường biển tại Công ty TNHH Logistics Chim Bò Cầu

PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU
CHƯƠNG I: CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU QUY
TRÌNH GIAO NHẬP HÀNG HOÁ NHẬP KHẨU NGUYÊN
CONTAINER (FCL) BÊN NGỒI VÀ BÊN TRONG

1.1 Cơ sở lý luận

1.1.1. Khái quát về nhập khẩu hàng hóa

❖ Khái niệm

Nhập khẩu hàng hóa là việc hàng hóa được đưa vào lãnh thổ Việt Nam từ nước ngoài hoặc từ khu vực được biết nằm trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực hải quan riêng theo quy định của pháp luật.

Nhập khẩu là hoạt động kinh doanh buôn bán trên phạm vi quốc tế, là quá trình trao đổi hàng hoá giữa các quốc gia dựa trên nguyên tắc trao đổi ngang giá lấy tiền tệ là môi giới. Nó không phải là hành vi buôn bán riêng lẻ mà là một hệ thống các quan hệ buôn bán trong một nền kinh tế có các tổ chức bên trong và bên ngoài.

Nhập khẩu của doanh nghiệp là hoạt động mua hàng hóa và dịch vụ từ nước ngoài phục vụ cho nhu cầu trong nước hoặc tái xuất nhằm phục vụ mục đích thu lợi nhuận. Hay nhập khẩu là việc mua hàng hóa từ các tổ chức kinh tế, các công ty nước ngoài và tiến hành tiêu thụ hàng hóa nhập khẩu tại thị trường nội địa hoặc tái xuất khẩu với mục đích thu lợi nhuận và lợi nhuận sản xuất với tiêu dùng.

❖ Vai trò

Vai trò quan trọng hàng đầu là đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân, tránh tình trạng khan hiếm bất ổn. Khi mà thị trường gia đó không thể sản xuất hoặc sản xuất không đủ để cung cấp, cần nhập khẩu từ những nguồn bên ngoài nhằm đảm bảo cân đối kinh tế, phát triển nền kinh tế vững.

Hàng hóa nhập khẩu kết hợp hàng hóa có sẵn trong nước giúp thị trường tiêu dùng trở nên đa dạng hóa và nhận nhập hàng bao giờ hết. Giúp đây người dân có rất nhiều sự chọn lựa và thị trường lợi ích hóa, nguồn gốc xuất xứ, giá cả luôn chất lượng. Khả năng tiêu dùng và mức sống của người dân vì thế cũng được nâng tầm.

Khi có nhiều thùng hàng hiệu đến từ nhiều quốc gia, tình trạng được quy định sẽ bị xóa bỏ, để mở cửa quy định lại cho người dân. Thời kỳ kinh tế tự cung tự cấp lúc nào cũng đến khép lại. Thay vào đó là một thị trường năng động, tiến tới hợp tác rộng rãi giữa các quốc gia, là cơ hội để phát huy lợi thế so sánh công bằng.

Nhập khẩu còn đóng vai trò như một “cú hích” giúp các doanh nghiệp trong nước không ngừng vươn lên. Bởi khi hàng ngoại nhập vào nhiều, người dân có thêm nhiều lựa chọn, sẽ cạnh tranh mạnh mẽ, thì buôn doanh nghiệp phải không ngừng tìm tòi, phát triển, cải tiến chất lượng sản phẩm và dịch vụ của mình để giữ chân khách hàng.

Quá trình chuyển giao công nghệ như nhập khẩu sẽ giúp kinh tế quốc gia không ngừng cải thiện. Sự học hỏi lẫn nhau tạo nên mức cân bằng và trình độ sản xuất giữa các quốc gia, để cùng thời giúp các đất nước “đến sau” kịp thời nhanh chóng, không phải mất quá nhiều chi phí và thời gian.

Với hình thức xuất nhập khẩu đi lại, thì nhập khẩu cũng trở thành xuất khẩu. Nhập khẩu sẽ góp phần thúc đẩy xuất khẩu, nâng cao giá trị, chất lượng sản phẩm cũng như uy tín của quốc gia.

1.1.2. Vấn đề logistics Container đang biến

❖ Lợi ích của vận chuyển container đang biến

Lợi ích của container hóa: tạo ra một đơn vị vận chuyển đơn lẻ một bộ phận hàng hóa tất nhiên, giảm thiểu việc hàng hóa bị mất khuynh hướng cho hoạt động “door to door”, tăng hiệu quả và tiết kiệm chi phí vận tải.

Đối với chủ hàng bộ phận tất nhiên hàng hóa một cách hiệu quả tình trạng một cấp. Chủ hàng có thể không phải đóng tiền như thế sẽ tiết kiệm được chi phí. Bên cạnh đó việc bốc hàng nhanh gọn sẽ rút ngắn được thời gian vận chuyển hàng hóa. Chủ hàng còn có thể nhận được ưu đãi từ chủ tàu “Free time”.

Đối với hãng tàu: tiết kiệm được thời gian để tăng số chuyến đi trong năm (chi phí xếp dỡ giảm 30%); tận dụng tối đa dung tích của tàu, ít bị khiêu nhiễu.

Đối với người giao nhận: tập trung đẩy nhanh hàng hóa và giao nhận thuận lợi hơn, khi vận tải đã phát triển cũng thuận lợi hơn, ngoài ra cũng giảm thiểu được các khiếu nại từ chủ hàng.

1.1.3. Sơ lược về giao nhận

❖ Giao nhận

Giao nhận là một dịch vụ tập hợp nhiều ngành nghề vận, tải liên quan đến quá trình sắp xếp các phương tiện, công cụ để giao nhận hàng hóa tại nơi gửi hàng cho đến nơi nhận hàng.

❖ Người giao nhận

Người giao nhận là doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ logistics (trong đó có dịch vụ giao nhận) hoặc kinh doanh riêng lĩnh vực giao nhận hàng hóa. Các loại doanh nghiệp này có phạm vi kinh doanh trong nước hoặc dịch vụ giao nhận hàng hóa quốc tế tùy theo phạm vi đăng ký kinh doanh của họ.

❖ Container và gửi hàng nguyên Container

Container là một công cụ vận tải (một loại thùng) dùng để chứa đựng hàng hóa.

Gửi hàng nguyên container (FCL) là phương thức chủ hàng/người xếp hàng (người xuất khẩu) có đủ hàng hóa chất xếp đầy container hoặc nhiều container để chở đến cho người nhập khẩu.

1.1.4. Dịch vụ của giao nhận

Dịch vụ giao nhận vận tải không tạo ra sản phẩm vật chất, nó chỉ làm đổi thay trạng thái vị trí vật chất không gian chứ không tác động vật chất làm thay đổi các tính năng đó.

Mang tính chất thụ động: Phụ thuộc rất nhiều vào nhu cầu của khách hàng, các quy định của người vận chuyển, các ràng buộc về luật pháp, thủ tục của chính phủ (người xuất khẩu, người nhập khẩu, người thuế, ...).

Người giao nhận thực hiện theo sự ủy thác của khách hàng.

Người giao nhận là thành viên có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hoá.

❖ Vai trò của giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu

Điều kiện cho hàng hoá lưu thông nhanh chóng, an toàn và tiết kiệm mà không cần có sự tham gia của người gửi và người nhận hàng.

Giúp cho người chuyên chở đi nhanh tốc độ quay vòng của phương tiện vận tải vận động tải đa hiệu quả sử dụng cũng như các phương tiện khác.

Giúp giảm giá thành của hàng hoá xuất khẩu do giúp các nhà sản xuất giảm bớt các chi phí bỏ ra như: Chi phí đi lại, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí thuê kho,...

1.1.5. Các bên có liên quan trong nghiệp vụ giao nhận

❖ Người kinh doanh dịch vụ giao nhận

Người kinh doanh dịch vụ giao nhận (Forwarder/Freight forwarder/Forwarding agent) là doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ logistics (trong đó có dịch vụ giao nhận) hoặc kinh doanh riêng lĩnh vực giao nhận hàng hoá.

❖ Người chủ hàng

Người chủ hàng là người nắm quyền sở hữu hàng hoá. Người giao hàng hàng thủ tục là người xuất khẩu.

Tuy nhiên, có một số chủ hàng tự thực hiện quá trình giao nhận hàng hoá cho mình.

❖ Cơ quan hải quan

Cơ quan hải quan là cơ quan quản lý hành chính nhà nước, tham gia vào công tác giao nhận với vai trò kiểm tra hàng hoá căn cứ vào các thủ tục hành hàng hoá xuất nhập khẩu.

❖ Cảng vụ

Cảng vụ (Port authorities) hàng hải là các bộ phận chuyên trách của cảng, tham gia quản lý cảng, quản lý tàu ra vào cảng, neo đậu, cung cấp thiết bị bốc dỡ

hàng hoá và làm các thủ tục bốc dỡ, vận chuyển, lưu giữ hàng hoá với hãng tàu, đại lý hãng tàu, chủ hàng, người giao nhận.

1.1.6. Các chứng từ số dùng trong giao hàng nhập khu nguyên container (FCL) bằng đường biển

❖ Hợp đồng thương mại

Hợp đồng thương mại (Sales contract) là thỏa thuận giữa hai bên nhân với thương nhân, thương nhân với các bên có liên quan nhằm xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ giữa các bên trong hoạt động mua bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ thương mại và xúc tiến thương mại.

❖ Hóa đơn thương mại

Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice) là một chứng từ thương mại được phát hành bởi người bán cho người mua để nhận được một số tiền nào đó mà người mua hàng hóa hay dịch vụ có nghĩa vụ phải thanh toán cho người bán hàng theo những điều kiện cụ thể.

❖ Vận đơn đường biển

Vận đơn đường biển (Bill Of Lading) là chứng từ chuyên chở hàng hóa bằng đường biển do người vận chuyển lập, ký và cấp cho người gửi hàng trong đó người vận chuyển xác nhận đã nhận một số hàng nhất định để vận chuyển bằng tàu biển và cam kết giao số hàng đó cho người có quyền nhận hàng tại cảng đích với chi phí lưu kho và số lượng đầy đủ như biên nhận.

❖ Phiếu đóng gói hàng hóa

Bảng kê/phiếu chi tiết hàng hóa (Packing list) là chứng từ mô tả chi tiết nội dung lô hàng và thông tin không bao gồm giá trị lô hàng.

Phiếu đóng gói được gửi cho nhà nhập khẩu và xuất trình cho hải quan kiểm tra hàng xuất khẩu

❖ Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa

Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (Certificate of origin) cho biết nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa được sản xuất từ vùng lãnh thổ, hay quốc gia nào.

Hiện tại có nhiều loại C/O, tùy từng trường hợp khác nhau thì sẽ dùng các mẫu C/O theo quy định.

- C/O form A: Mẫu C/O ưu đãi dùng cho hàng xuất khẩu của Việt Nam
- C/O form B: Mẫu C/O không ưu đãi dùng cho hàng xuất khẩu của Việt Nam
- C/O form D: các nước trong khu vực ASEAN
- C/O form E : ASEAN - Trung Quốc
- C/O form EAV: Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á - Âu
- C/O form ICO: Mẫu C/O cấp cho mặt hàng cà phê xuất khẩu của Việt Nam.
- C/O form T: Mẫu C/O cấp cho hàng dệt may của Việt Nam đi EU,
- C/O form AJ: Việt Nam và các nước ASEAN khác sang Nhật Bản.
- C/O form S: Mẫu C/O ưu đãi Việt Nam sang Lào.

❖ Giấy chứng nhận sơ luyệt và chứng luyệt

Chứng từ này nhằm kết luận lô hàng sau khi sản xuất có phù hợp với tiêu chuẩn và điều kiện chứng luyệt, sơ luyệt cam kết trong hợp đồng hay không.

❖ Lệnh giao hàng

Lệnh giao hàng (Delivery Order – D/O) là chứng từ nhận hàng mà doanh nghiệp nhập khẩu nhận được để trình cho cơ quan giám sát kho hàng trước khi có thể rút hàng ra khỏi container, kho, bãi,...

❖ Thủ khai hải quan

Thủ khai hàng hóa hải quan là một trong những loại văn bản được cấp hàng sẽ dùng để kê khai số liệu hàng hóa trong đó, để bên liên quan kiểm soát khi xuất nhập khẩu hàng hóa nhìn rõ thông tin đưa hàng vào nước ta.

1.1.7. Nguồn luật điều chỉnh

❖ Nguồn luật quốc gia

Luật pháp Việt Nam liên quan đến giao nhận chủ yếu bao gồm: Bộ Luật dân sự năm 2015; Luật Thương mại năm 2005; Bộ Luật Hàng hải năm 2005; Luật Hàng không dân dụng Việt Nam 2006 sửa đổi bổ sung 2014,...

❖ Nguồn luật quốc tế

Các nguồn luật quốc tế liên quan đến hoạt động giao nhận có thể tập hợp như sau: Nghị định thư Visby 1968; Công ước Hamburg 1978; Quy tắc Hague-Visby ký tại Brucxen 1979...

❖ Các công ước quốc tế

Công ước Viên 1980 về buôn bán quốc tế.

Công ước Brucxen năm 1924 thống nhất một số điều kiện về vận chuyển đường biển, bắt buộc các nước quốc gia thành viên.

Công ước Hambua 1978: Là công ước Liên Hợp Quốc về vận chuyển hàng hóa bằng đường biển. Công ước này nhằm tạo nên sự bình đẳng giữa các hãng và chủ tàu, xóa bỏ các miễn trách cho người chuyên chở dựa vào nguyên tắc xác định lỗi.

Công ước Lahay năm 1929: Thống nhất trách nhiệm của người chuyên chở trên phạm vi toàn thế giới.

1.1.8. Các nhân tố ảnh hưởng đến quy trình giao nhận hàng hóa nhập khẩu bằng đường biển theo phương thức FCL

❖ Các nhân tố bên trong doanh nghiệp

- Các nhân tố bộ máy quản lý hay tổ chức hành chính

Cần phải có một bộ máy quản lý, lãnh đạo hoàn chỉnh, không thiếu, không thiếu và tổ chức phân công quản lý, phân công lao động trong mỗi doanh nghiệp sao cho phù hợp. Nếu bộ máy quản lý kinh không cần thiết sẽ làm cho việc kinh doanh của doanh nghiệp không có hiệu quả và ngược lại.

- Nguồn tài chính